

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 155/2024/HS-PT

Ngày: 26/02/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Quang Dũng;

Các Thẩm phán: Ông Võ Hồng Sơn;

Ông Nguyễn Tiến Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc- Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Hòa- Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 26 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm, công khai vụ án hình sự thụ lý số 1088/2023/TLPT-HS ngày 09 tháng 10 năm 2023 đối với bị cáo Phạm Ngọc T bị kết án về tội “Cưỡng đoạt tài sản” do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án số 91/2023/HS-ST ngày 09 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

*** Bị cáo có kháng cáo:**

Họ và tên: **Phạm Ngọc T**, sinh năm 1965 tại Thái Bình; Nơi cư trú: T5, K6, phường T, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh; Nghề nghiệp: Nguyên bác sĩ Bệnh viện Việt Nam- Thụy Điển Uông Bí; Trình độ văn hóa: Lớp 10/10; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Văn T1 (đã chết) và con bà Trần Thị M; Có vợ là Mạc Thị T2 và có 02 con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt trong trường hợp khẩn cấp ngày 16/02/2023, hiện tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Ninh (Có mặt).

*** Người bào chữa cho bị cáo:** Ông Nguyễn Danh H- Luật sư của Công ty Luật TNHH H, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội; Địa chỉ: phường N, quận T, thành phố Hà Nội (Có mặt).

Bị hại: ông Trần Viết T3, sinh năm 1962; Địa chỉ: T8, K6, phường T, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong thời gian công tác tại Khoa hồi sức tích cực Bệnh viện Việt Nam Thụy Điển, Phạm Ngọc T đã mâu thuẫn với ông Trần Viết T3 (Giám đốc Bệnh viện) vì cho rằng ông T3 thường xuyên tổ chức kiểm điểm T uống rượu, bia và để thuốc độc nơi T làm việc, gây ảnh hưởng đến sức khỏe, tinh thần khiến T phải nghỉ hưu sớm. T đã yêu cầu Lãnh đạo Bệnh viện Việt Nam- Thụy Điển Uông Bí và ông T phải bồi thường tổn hại 102 tỷ đồng nhưng không được chấp nhận. T đã nhiều lần gửi đơn đến Bộ Y tế tố cáo các sai phạm của ông T3, được Bộ Y tế đã tiếp nhận, giải quyết và ban hành kết luận thanh tra số 1887/KL-BYT ngày 04/12/2020, kết luận các nội dung T tố cáo không có cơ sở. Năm 2022, T biết việc ông T3 đang phải giải trình với Thanh tra và Cơ quan Điều tra Công an tỉnh Quảng Ninh về sai phạm trong việc mua Kit xét nghiệm Covid- 19 của Công ty Việt Á nên T đã tiếp tục gửi đơn đến UBND tỉnh Quảng Ninh và Bộ công an tố giác ông T3.

Tháng 12/2022, T biết ông T3 nghỉ hưu trước tuổi nên đã liên tục gọi điện, nhắn tin cho ông T3 yêu cầu ông T3 phải đưa cho T từ 07 đến 12 tỷ đồng, nếu không sẽ tiếp tục viết đơn gửi các cơ quan pháp luật tố cáo các sai phạm để buộc ông T3 phải đi tù và bị tịch thu toàn bộ tài sản. T cũng gặp ông Lê Đức Đ (đang giữ chức Phó Giám đốc Bệnh viện) và ông Đặng Quốc T4 (bác sỹ Bệnh viện) để thông báo yêu cầu Bệnh viện và ông T3 phải bồi thường cho T từ 7 đến 12 tỷ, ông Đ và ông T4 đều không đồng ý nói: Việc anh đòi bồi thường là không có căn cứ, Bộ Y tế và cơ quan chức năng đã trả lời. Nhưng T vẫn liên tục nhắn tin, gọi điện cho ông T3 và ông Đ. Lúc này, ông T3 đang bị bệnh hiểm nghèo ung thư tuyến giáp và phải khắc phục hậu quả do những sai phạm trong quá trình quản lý tại Bệnh viện Việt Nam- Thụy Điển nên rất lo sợ. Cụ thể: T nhắn tin ông Lê Đức Đ lúc 9h43 phút ngày 8/12/2022: “Ông giải quyết sớm đi tôi cho các ông hết tuần sau nếu không vào tù giam đùng có trách”. Sau đó, T nhắn tin đe dọa ông T3 lúc

9h45 cùng ngày: “Ông giải quyết sớm đi tôi cho các ông hết tuần sau nếu không vào tù giam đừng có trách”, “có thích tù giam và tịch thu toàn bộ tài sản không”. Tiếp đó, T lại nhắn tin cho ông T3 lúc 11h20: “ông không đến tôi pháp luật sẽ đưa ông vào tù giam và tịch thu toàn bộ tài sản tùy ông”, đến 11h22 phút cùng ngày lại nhắn cho ông Đ: “ông T3 vừa điện cho tôi các ông giải quyết đi nếu không vào tù giam đừng có trách”. Do lo sợ sẽ bị ảnh hưởng từ việc T tố cáo và lo sợ vì bị T đe dọa về mặt tinh thần nên ông T3 nhắn tin đồng ý chuyển tiền cho T và xin số tài khoản. Sáng ngày 16/02/2023, T nhắn tin cung cấp cho ông T3 số tài khoản 100869672784 của T ở ngân hàng Vietinbank mang tên chủ tài khoản Phạm Ngọc T. Lúc 12h18 phút, ông T3 nhắn tin chỉ có 1 tỷ đồng chuyển trước, số còn lại chuyển sau, T nhắn tin đe dọa thúc giục: “OK, anh làm sớm giúp vì một ngày chỉ có 24 tiếng...”. Hồi 13 giờ 45 phút cùng ngày, do tâm lý hoang mang, lo sợ nên ông T3 đã chuyển số tiền 1.000.000.000đ (một tỷ đồng) vào số tài khoản mà T cung cấp rồi nhắn tin báo cho T biết, đồng thời yêu cầu T rút đơn. T đã nhắn lại “Cảm ơn anh đã nhận được, anh em các anh cố gắng làm sớm vì đời người sống không biết TN một giờ chỉ có 60 phút thôi”. “Đơn hiện nay vẫn ở tỉnh tôi chưa làm gửi lên HN từ khi Bv về tỉnh vì vậy anh cho người đến nhà thảo luận”.

Ông T3 lo sợ nên đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Quảng Ninh gửi đơn tố giác hành vi cưỡng đoạt tài sản của Phạm Ngọc T và giao nộp: 01 chiếc USB nhãn hiệu Kingston màu trắng chứa 03 đoạn ghi âm ghi lại cuộc nói chuyện của T và ông T3; 01 tập tài liệu (gồm 05 ảnh) chụp các tin nhắn trao đổi, chuyển tiền giữa T3 và T.

Khoảng 16 giờ cùng ngày, T đến trụ sở Ngân hàng Vietinbank Ưông Bí (số 466 Quang Trung, phường Quang Trung, thành phố Ưông Bí) rút số tiền 700.000.000đ (bảy trăm triệu đồng) do ông T3 chuyển khoản thì bị cơ quan CSĐT Công an tỉnh Quảng Ninh phát hiện, bắt giữ. Vật chứng thu giữ của T: số tiền 700.000.000 đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone gắn sim số 0943.005.946; 01 thẻ ATM số thẻ 9704151529569601 mang tên Phạm Ngọc T.

Tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở đối với Phạm Ngọc T thu giữ tại phòng ngủ của T: 01 tờ giấy viết tay của ông Phạm Ngọc T, 04 tờ giấy A4 có nội dung “Đơn đề nghị” “Đơn tố cáo” ghi người gửi đơn, người tố cáo là Phạm Ngọc T có nội dung tố cáo ông Trần Viết T3; 01 thông báo số

212/TB- BVVNTĐ ngày 06/01/2022 của Bệnh viện Việt Nam- Thụy Điển Uông Bí; 01 văn bản số 4886/VP.UBND-TD2 ngày 27/10/2022 của UBND tỉnh Quảng Ninh.

Tại Kết luận giám định số 2125/KL-KTHS ngày 04/5/2023 của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an đã kết luận:

- Không phát hiện thấy dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung trong các file ghi âm mẫu cần giám định.

- Tiếng nói của người xưng “tôi, em” và được gọi là “T, anh” (được ký mẫu cần hiệu là “T” trong Bản dịch nội dung ghi âm mẫu cần giám định) trong mẫu cần giám định và tiếng nói của Phạm Ngọc T trong mẫu so sánh là của cùng một người.

- Tiếng nói của người xưng “tôi” và được gọi là “T3, anh” (được ký hiệu là “T3” trong Bản dịch nội dung ghi âm mẫu cần giám định) trong mẫu cần giám định và tiếng nói của Trần Viết T3 trong mẫu so sánh là của cùng một người.

- Nội dung ghi âm trong các file ghi âm trong mẫu cần giám định đã được dịch thành văn bản.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 91/2023/HSST ngày 09 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã quyết định:

Căn cứ: điểm a khoản 4 Điều 170; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Ngọc T 09 (chín) năm tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày bắt 16/02/2023.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 14/8/2023, bị cáo Phạm Ngọc T có đơn kháng cáo cho rằng bị cáo không phạm tội, đề nghị trả tự do cho bị cáo và trả lại tài sản bị thu giữ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Phạm Ngọc T giữ nguyên kháng cáo. Lúc đầu, bị cáo cho rằng không phạm tội nhưng sau đó bị cáo xin giảm hình phạt và thừa nhận hành vi phạm tội của bị cáo nêu trong nội dung của bản án sơ thẩm là đúng. Bị cáo đề nghị giảm nhẹ hình phạt tù vì ông T3 chủ động liên hệ với bị cáo sau đó bị cáo mới nhận tin đe dọa và nhận tiền của ông T3, hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, bị cáo bị bệnh suy giảm 81% sức khỏe, bị cáo còn mẹ già, vợ con không có công ăn việc làm, có một con bị u não, bị hại có mặt tại phiên tòa tiếp tục xin giảm nhẹ cho bị cáo.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Tòa án cấp sơ thẩm kết án bị cáo Phạm Ngọc T về tội “Cưỡng đoạt tài sản”, theo điểm a khoản 4 Điều 170 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật. Bị cáo phạm tội đặc biệt nghiêm trọng nên Tòa án cấp sơ thẩm xử hình phạt tù, không cho bị cáo hưởng án treo là đúng. Xét bị cáo có sức khỏe yếu, hoàn cảnh gia đình khó khăn, tài sản đã được thu hồi trả lại cho bị hại, bị hại tiếp tục xin giảm hình phạt cho bị cáo, tại cấp phúc thẩm có tình tiết mới: Gia đình bị cáo có công với cách mạng, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giảm một phần hình phạt cho bị cáo. Đối với yêu cầu xin trả lại tài sản thu giữ của bị cáo, do bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên Tòa án cấp sơ thẩm tuyên tịch thu là đúng pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo Phạm Ngọc T nhất trí bản án sơ thẩm kết án bị cáo về tội danh và điều luật áp dụng; tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng đối với bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét động cơ, mục đích phạm tội của bị cáo do có phần bức xúc bị dồn nén nhiều năm trong công tác, trong giải quyết chế độ chính sách cho bị cáo không được tốt, nhận thức của bị cáo chưa đầy đủ nên bị lợi dụng đã đứng ra đấu tranh đơn thư khiếu nại tố cáo, sức khỏe của bị cáo yếu, suy giảm khả năng lao động, tỷ lệ tổn thương cơ thể là 81%, hằng ngày vẫn phải điều trị, nhận thức pháp luật hạn chế, con thứ hai của bị cáo bị ung thư chết ảnh hưởng đến tâm lý của bị cáo, gia đình bị cáo có công với cách mạng; bị cáo có trên 30 năm công tác trong ngành y tế, có thành tích xuất sắc, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo giảm mức hình phạt tối đa cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo Phạm Ngọc T làm trong thời hạn luật định là kháng cáo hợp lệ được chấp nhận để xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo lúc đầu cho rằng không phạm tội nhưng sau đó thay đổi kháng cáo đề nghị giảm hình phạt tù, Hội đồng xét xử thấy việc thay đổi kháng cáo hợp pháp được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Phạm Ngọc T thừa nhận hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở xác định:

Từ cuối năm 2022 đến 16/02/2023, tại thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh, Phạm Ngọc T đã có hành vi sử dụng lời nói, gọi điện, nhắn tin đe dọa tố giác ông Trần Viết T3 rồi yêu cầu ông T3 phải chuyển vào tài khoản của T số tiền 1.000.000.000 đồng để T rút tố giác. Do bị uy hiếp tinh thần nên ông T3 đã chuyển số tiền trên theo yêu cầu của T. Khi T rút số tiền 700.000.000 đồng để chi tiêu cho nhu cầu cá nhân thì bị phát hiện, bắt thu giữ vật chứng.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo xâm hại quyền sở hữu hợp pháp tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt là 1.000.000.000 đồng, do vậy Tòa án cấp sơ thẩm kết án bị cáo Phạm Ngọc T phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”, theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 170 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, không oan.

[4] Xét kháng cáo của bị cáo Phạm Ngọc T: Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ, toàn diện các tình tiết của vụ án, đánh giá tính chất mức độ nguy hiểm hành vi phạm tội của bị cáo, xem xét nhân thân của bị cáo, yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm xâm hại quyền sở hữu tại địa phương, đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng như bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn, hối cải; bị cáo được Bộ trưởng Bộ Y tế tặng Kỷ niệm chương vì sức khỏe nhân dân do trong quá trình công tác đã có nhiều thành tích, công lao đóng góp cho sự nghiệp bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe của nhân dân được xác định là người có thành tích xuất sắc trong công tác; được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt; có bố đẻ là người có công với Nhà nước; bị cáo bị suy giảm khả năng lao động với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 81% nên Tòa án cấp sơ thẩm cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ. Bị cáo phạm tội đặc biệt nghiêm trọng nên Tòa án cấp sơ thẩm không cho bị cáo hưởng án treo là đúng pháp luật. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo có tình tiết giảm nhẹ mới: Được bị hại tiếp tục xin giảm nhẹ cho bị cáo và các anh chị em ruột là người có công với cách mạng, theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, bị cáo có nhân thân tốt, sức khỏe yếu, hoàn cảnh gia đình khó khăn, tiền chiếm đoạt đã được thu hồi trả lại cho bị hại đầy đủ nên Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo về giảm

hình phạt tù của bị cáo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và người bào chữa tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp.

Việc bị cáo đề nghị trả lại tài sản bị thu giữ có liên quan đến thực hiện tội phạm là không có căn cứ chấp nhận.

[5] Về án phí phúc thẩm: Bị cáo Phạm Ngọc T được chấp nhận kháng cáo nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét và đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Căn cứ Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

1. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Ngọc T và sửa một phần quyết định của bản án sơ thẩm về hình phạt tù:

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 170; các điểm s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38, khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Phạm Ngọc T 08 (Tám) năm tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày bắt 16/02/2023.

2. Về án phí phúc thẩm: Bị cáo Phạm Ngọc T không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Ninh;
- Cục THADS tỉnh Quảng Ninh;
- Bị cáo (qua trại giam);
- Người bào chữa;
- Lưu: HS, HCTP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Ngô Quang Dũng

